

Số: 89/QĐ-PBC

Krông Búk, ngày 28 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai các khoản thu, chi tài chính năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Krông Búk về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng trường THCS Phan Bội Châu, ngày 23 tháng 5 năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

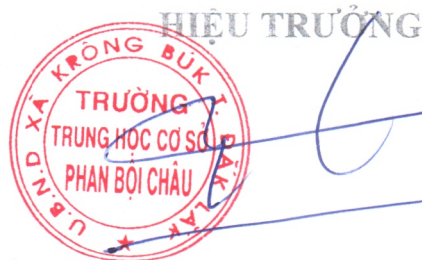
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025, công khai nguồn tài chính NSNN năm 2026 và các khoản thu, chi tài chính ngoài ngân sách nhà nước năm học 2025-2026 của Trường THCS Phan Bội Châu (theo biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các bộ phận liên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT; (để báo cáo)
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.



Phan Văn Hùng

PHỤ LỤC
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024, CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NGUỒN NSNN NĂM 2025 VÀ CÁC KHOẢN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM HỌC 2024-2025

(Bàn hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-PBC, ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Trường THCS Phan Bội Châu)

I. Ngân sách năm 2025

1.1 Phần Thu	
- Kinh phí năm trước chuyển sang năm 2025	7.751.314
- Dự toán được giao trong năm 2025:	8.005.307.314
- Kinh phí thực nhận trong năm 2025:	8.005.307.314
- Kinh phí quyết toán 2025:	7.775.131.016
- Kinh phí giảm trong năm 2025:	48.942.675
- Số kinh phí còn dư ở Kho bạc:	0
+ Số kinh phí được chuyển sang năm 2026:	197.903.623
+ Kinh phí tiết kiệm chi NSNN	16.443.000
+ Số kinh phí bị hủy:	32.499.675
1.2 Phần Chi	6.948.211.648
+ KP chi thường xuyên (Nguồn 13):	7.020.123.281
- Lương, Phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	6.595.776.612
- Chi thường xuyên	424.346.669
+ KP chi không thường xuyên (Nguồn 12 và 15):	298.598.325
+ KP khen thưởng (Nguồn 18):	361.000.000
+ Phí học phí để lại	95.409.410
- Chi lương	0
- Chi thường xuyên	95.409.410
⇒ Cụ thể :	
Kinh phí không tự chủ	298.598.325

Lương Hợp đồng 161	62.625.000
Kinh phí hỗ trợ theo NĐ 81 (9 tháng năm 2025)	34.200.000
Kinh phí cho giáo viên theo NĐ 28	104.881.553
Kinh phí cho giáo viên thể dục QĐ51	29.394.000
Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học tối thiểu theo CT GDPT 2018	45.000.000
Kinh phí lễ kỷ niệm 20 năm thành lập trường	22.497.772
Kinh phí giao tự chủ	6.331.989.469
Tiền lương	3.633.953.671
Phụ cấp lương	1.994.669.113
Tiền thưởng	12.157.000
Phúc lợi tập thể	35.516.543
Các khoản đóng góp	967.153.828
Thanh toán dịch vụ công cộng	24.056.272
Vật tư văn phòng	44.497.060
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	34.228.721
Hội nghị	4.412.150
Công tác phí	32.755.000
Chi phí thuê mượn	18.739.700
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	40.696.478
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	14.980.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	130.010.812
Mua sắm tài sản vô hình	11.585.000
Chi khác	39.451.633
Kinh phí thực hiện khen thưởng NĐ 73 (nguồn 18)	361.000.000
Tiền thưởng	361.000.000



- Kinh phí giảm trong năm:	48.942.675
+ Kinh phí tiết kiệm chi NSNN:	16.443.000
+ Kinh phí bị hủy do hết nhiệm vụ chi:	32.499.675

II. Ngân sách nhà nước năm 2026:

A	Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	8.966.971.000
	• Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:	7.489.027.000
	Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương	7.007.887.000
	Chi hoạt động thường xuyên:	481.140.000
	• Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ:	1.477.944.000
	Kinh phí lương và các khoản đóng góp (Hợp đồng theo ND 111):	104.635.000
	Kinh phí thực hiện theo chế độ Nghị định 28/2012/NĐ-CP	114.920.000
	Kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên thể dục là theo Quyết định số 51/2012/QĐ -TTg:	29.394.000
	Kinh phí thực hiện Nghị định 238/2025/NĐ-CP học kỳ II, 2025-2026:	8.250.000
	Kinh phí sửa chữa nhà lớp học 6 phòng (2 tầng) và hệ thống bồn nước tại khu nhà hiệu bộ:	747.000.000
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học:	100.000.000
	Kinh phí tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP:	373.745.000
	Nguồn học phí để lại gồm: (Theo quyết định số....)	
	Tiền gửi năm 2025 chuyển qua	95.409.410
	Nộp thuế (NSNN):	0
	Kinh phí lương là:	95.409.410
	Chi thường xuyên từ học phí để lại	0
	Kinh phí đã chi đến ngày 28/5/2025	3.069.921.861

	• Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:	2.968.262.538
	Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương	2.770.127.538
	Chi hoạt động thường xuyên:	313.192.533
	• Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ:	101.659.323
	Kinh phí lương và các khoản đóng góp (Hợp đồng theo ND 111):	25.635.123
	Kinh phí thực hiện theo chế độ Nghị định 28/2012/NĐ-CP	
	Kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên thể dục là theo Quyết định số 51/2012/QĐ -TTg:	10.324.200
	Kinh phí thực hiện Nghị định 238/2025/NĐ-CP học kỳ II, 2025-2026:	7.500.000
	Kinh phí sửa chữa nhà lớp học 6 phòng (2 tầng) và hệ thống bồn nước tại khu nhà hiệu bộ:	
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học:	58.200.000
	Kinh phí tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP:	

2. Các khoản thu, chi ngoài ngân sách

Nguồn thu, chi năm học 2025-2026 và chi trả chế độ học sinh

TT	Nội dung	Tồn (2023- 2024)	Thu 2024-2025	Chi 2024-2025	Còn lại
1	Quỹ PHHS	0	100.260.000	89.920.000	10.340.000
2	Tài trợ Giáo dục (Vận động tài tr		58.490.000	58.628.000	-138.000
3	Quỹ Đội TNTP Hồ Chí Minh		9.576.000	9.576.000	0
4	Vệ sinh		44.930.000	44.930.000	-
5	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh học năm học 2025 -2026 theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP		13.950.000	13.950.000	-

Các khoản phục vụ trực tiếp học sinh (khoản phải thu, phải trả) thực hiện đúng quy định, như tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, tin nhắn điện tử. ...



3. Khác: Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, tài chính

+ Kinh phí đầu tư, mua sắm, sửa chữa năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Số tiền
1	Mua Máy tính cho Phó Hiệu trưởng	14.980.000
2	Mua ti vi từ nguồn kinh phí không tự chủ	59.200.000
3	Chi mua sắm thiết bị CNTT: Lắp Camera, lắp thêm thiết bị thu phát Wifi, giấy Vega...	20.000.000
	Tổng cộng	94.180.000